TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ GÒ CÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bán án số: 136/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 07 tháng 5 năm 2019.
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GÒ CÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà: Võ Chi Lan.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Minh Quốc.
2. Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị An Thư – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò công, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Ngọc Thanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2019/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34c/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ P, sinh năm 1984. Vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Ấp Lý, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc M, sinh năm 1972. Vắng mặt.

Địa chỉ cư trú: Số 178 V, khu phố B, phường M, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****** Trong đơn khởi kiện ngày 22 tháng 01 năm 2019, tại bản tự khai và tại phiên thòa giải chị Nguyễn Thị Mỹ P là nguyên đơn trình bày:*

Chị và anh M cưới nhau vào năm 2009. Được Ủy ban nhân dân phường 1, thị xã Gò Công cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2009. Thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẩn bất đồng quan điểm trong vấn đề kinh tế, ly thân từ năm 2017 đến nay.

Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh M.

Về con chung: Anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc Minh A, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2009 và Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2011. Hiện nay cháu A sống với anh M và cháu K sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu K, để cháu A cho anh M nuôi và chị cấp dưỡng cho cháu A mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: Không tranh chấp. Về nợ chung: Không có.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng*: Căn cứ vào khoản 4 Điều 27 luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân; các điều 21, 22, 26, 35, 46, 48, 49, 51, 63, 68, 70, 71, 72, 73, 92, 96, 97, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án và đương sự tuân theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị P được ly hôn với anh M; về con chung giao cháu K cho chị P trực tiếp nuôi, giao cháu A cho anh M trực tiếp nuôi và ghi nhận sự tự nguyện của chị P cấp dưỡng cho cháu A mỗi tháng 2.000.000 đồng; Về tài sản chung: Không tranh chấp; Về nợ chung: Không có; Về án phí áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH thì chị P chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị P ly hôn với anh M là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh M đã được Tòa án nhân dân thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên hợp kiểm tra tiếp cận công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 28 tháng 3 năm 2019 nhưng vắng mặt và chị P xin vắng nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

1. Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị P với anh M là tự nguyện dược Ủy ban nhân dân phường 1, thị xã Gò Công cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2009 là hợp pháp. Thời gian chung sống chị P cho rằng cả hai thường xuyên bất đồng quan điểm nên ly thân từ năm 2017 đến nay. Anh M đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và anh không phản đối yêu cầu khởi kiện của chị P nên yêu cầu ly hôn của chị P là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2. Về con chung: Anh chị có 02 người con chung tên Nguyễn Ngọc M Anh, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2009 và Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2011. Hiện nay cháu A sống với anh M và cháu K sống với chị.

Khi ly hôn chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu K, để cháu A cho anh M nuôi và chị cấp dưỡng cho cháu A mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu A đủ 18 tuổi.

Qua xác minh tại địa phương thì thấy rằng hiện nay cháu A đang sống với anh M ổn định, cháu K sống với chị P nên cần để các cháu tiếp tục sống như vậy vừa đảm bảo việc học hành và phù hợp với nguyện vọng của các cháu nên yêu cầu của chị P được chấp nhận.

3. Về tài sản chung: Không tranh chấp.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị P chịu.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 35, 39, 92, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ vaøo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử: Chấp nhận 01 phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mỹ P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mỹ P được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc M.

2. Về con chung:

- Giao cháu Nguyễn Ngọc M Anh, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2009 cho anh Nguyễn Ngọc M trực tiếp nuôi;

Chị Nguyễn Thị Mỹ P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Ngọc M Anh mỗi tháng 2.000.000 đ (*Hai triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Nguyễn Ngọc M Anh đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày anh Nguyễn Ngọc M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả khoản tiền nêu trên, hàng tháng chị Nguyễn Thị Mỹ P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Giao cháu Nguyễn Ngọc K, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2011 cho chị Nguyễn Thị Mỹ P trực tiếp nuôi.

- Người không trực tiếp nuôi con có quyền chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- Trong trường hợp cần thiết thì chị Nguyễn Thị Mỹ P và anh Nguyễn Ngọc M có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Thị Mỹ P chịu 600.000 đ (*Sáu trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) mà chị Nguyễn Thị Mỹ P đã tạm ứng án phí tại biên lai số 42940 ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Nguyễn Thị Mỹ P còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Án tuyên và kết thúc cùng ngày.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

***Nơi nhận*:**
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Gò Công;
- Chi cục thi hành án dân sự thị xã Gò Công;
- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân PM TXGC;
- Lưu hs, án văn. Ln 12.

VÕ CHI LAN